

Số: 30 /2018/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 10 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2018/Tt-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Thông báo số 179/TB-HĐND ngày 05/10/2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về thông báo kết luận của đồng chí Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh tại phiên họp tháng 10 năm 2018;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 10 năm 2018 và được áp dụng từ năm tài chính 2018. Quyết định này thay thế Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và Quyết định số 2658/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 bổ sung tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở; Thủ trưởng các ban, ngành, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; Giám đốc Ban quản lý dự án, đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cá nhân có liên quan đến các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này chịu trách nhiệm thi hành./. *h*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-BTP;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Cao Bằng;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Kho bạc nhà nước tỉnh;
- TT thông tin, VP UBND tỉnh;
- VP: các PCVP; CV
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Hoàng Xuân Ánh**

## **QUY ĐỊNH**

### **Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2018  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh.**

a. Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến và máy móc thiết bị phục vụ hoạt động chung không thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại quyết định này thì thực hiện mua sắm, đầu tư theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

##### **2. Đối tượng áp dụng.**

Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

#### **Điều 2. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng**

1. Việc ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng áp dụng đối với máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Quyết định này được sử dụng làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư, mua sắm, điều chuyển, thuê, khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng máy móc thiết, bị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với tính chất công việc, phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước.

#### **Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị**

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) áp dụng đối với máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và được quy định theo từng ngành, từng lĩnh vực quản lý tại địa phương, bao gồm:

1. Máy móc, thiết bị chuyên dùng các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam (Phụ lục 01).
2. Máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Phụ lục 02).
3. Máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Phát thanh và Truyền hình (Phụ lục 03).
4. Máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Tài nguyên và Môi trường (Phụ lục 04).
5. Máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Khoa học và Công nghệ (Phụ lục 05).
6. Máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Tài chính (Phụ lục 06).
7. Máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Giáo dục và Đào tạo (Phụ lục 07).
8. Máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Văn hóa Thể thao và Du lịch (Phụ lục 08).
9. Máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Y tế (Phụ lục 09).
10. Máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Lao động Thương binh và Xã hội (Phụ lục 10).
11. Máy móc, thiết bị chuyên dùng Ngành khác (Phụ lục 11).
12. Máy móc, thiết bị chuyên dùng Huyện, Thành phố. (Phụ lục 12).

#### **Điều 4. Máy móc, thiết bị không đủ tiêu chuẩn tài sản cố định**

Máy móc, thiết bị chuyên dùng không đủ điều kiện tiêu chuẩn tài sản cố định, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư, mua sắm, điều chuyển, thuê theo quy định của pháp luật quyết định việc trang bị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

#### **Điều 5. Điều chỉnh chủng loại, số lượng máy móc, thiết bị chuyên dùng**

Trường hợp cần thiết phải trang bị thêm máy móc, thiết bị chuyên dùng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ vượt số lượng so với quy định này thì Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trang bị bổ sung đảm bảo đáp ứng nhu cầu thực tế phục vụ chuyên môn sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **Điều 6. Trách nhiệm và Điều khoản thi hành**

1. Trách nhiệm thi hành.

Quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng được công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và được gửi cơ quan Kho bạc nhà nước để thực hiện kiểm soát chi theo quy định của pháp luật.

Sở Tài chính hướng dẫn việc thực hiện Quyết định này. Đồng thời chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành

tiêu chuẩn, định mức về máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh khi có phát sinh.

Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị chịu trách nhiệm đối với việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

## 2. Điều khoản thi hành.

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cá nhân có liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc hoặc phải điều chỉnh phù hợp với thực tế phục vụ công tác các sở, ban, ngành, đơn vị; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tài chính xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*Hoàng Xuân Ánh*  
Hoàng Xuân Ánh